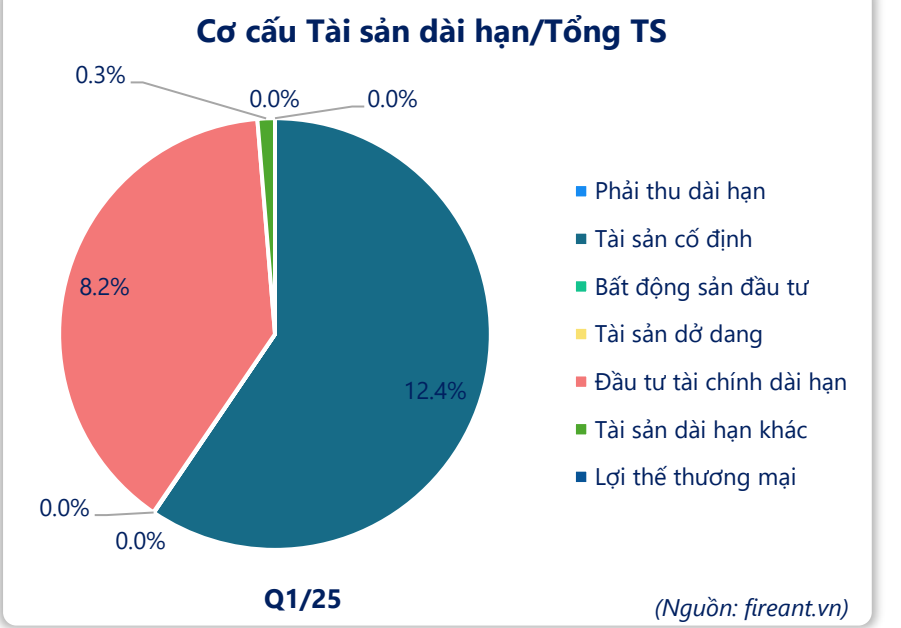
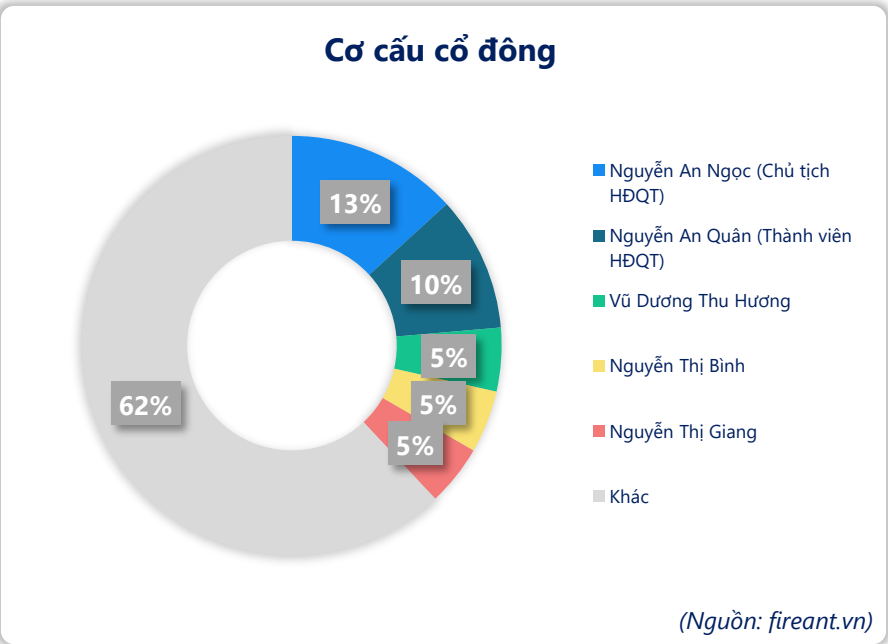
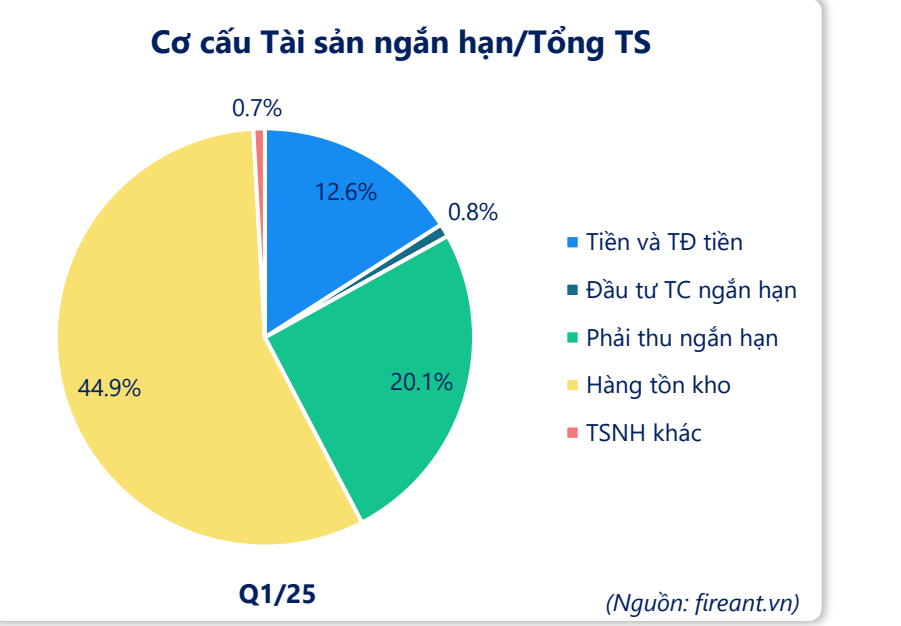
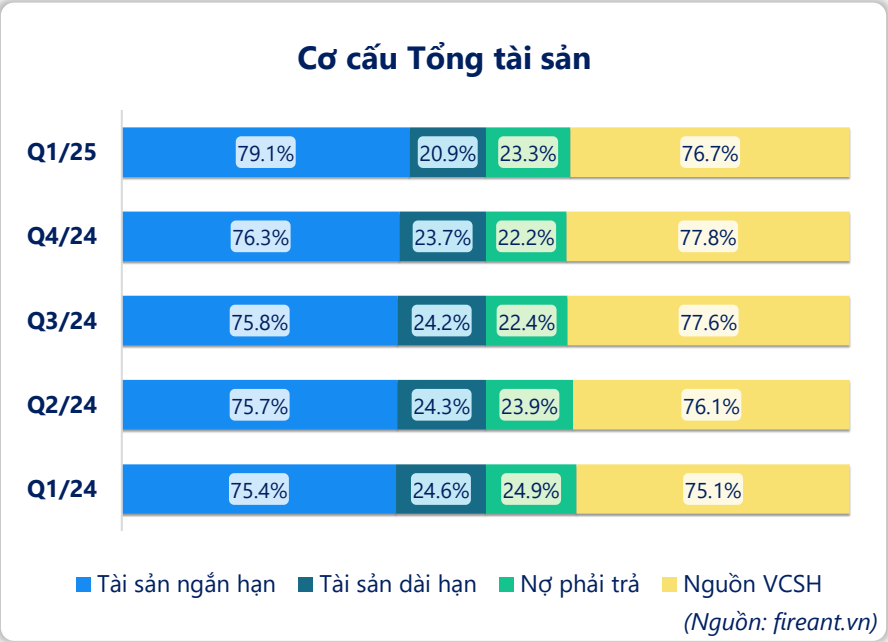
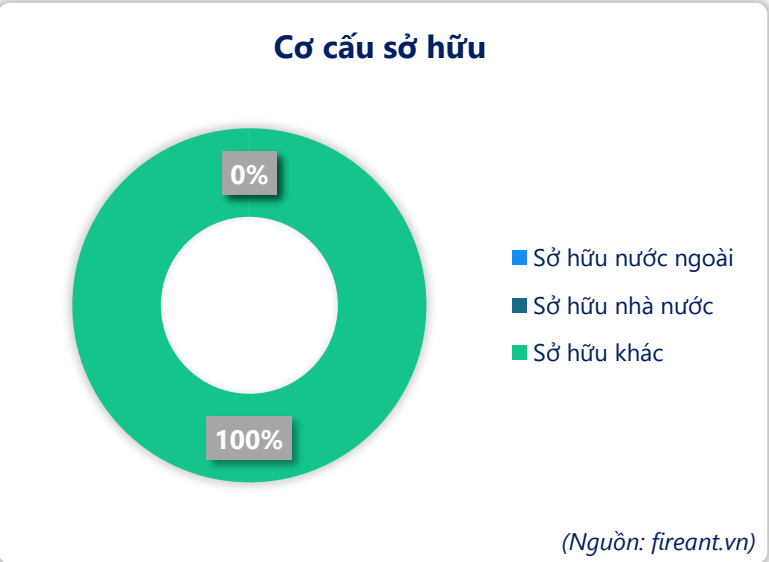
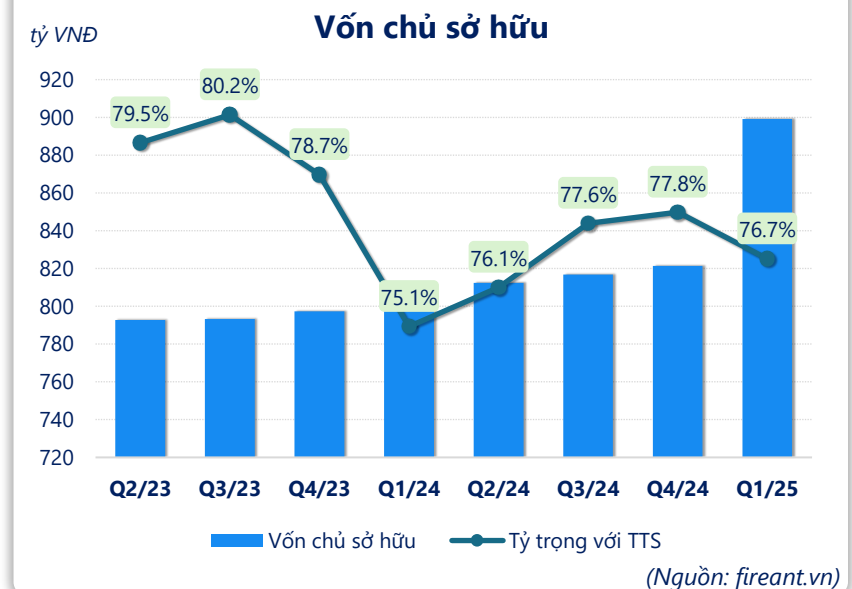
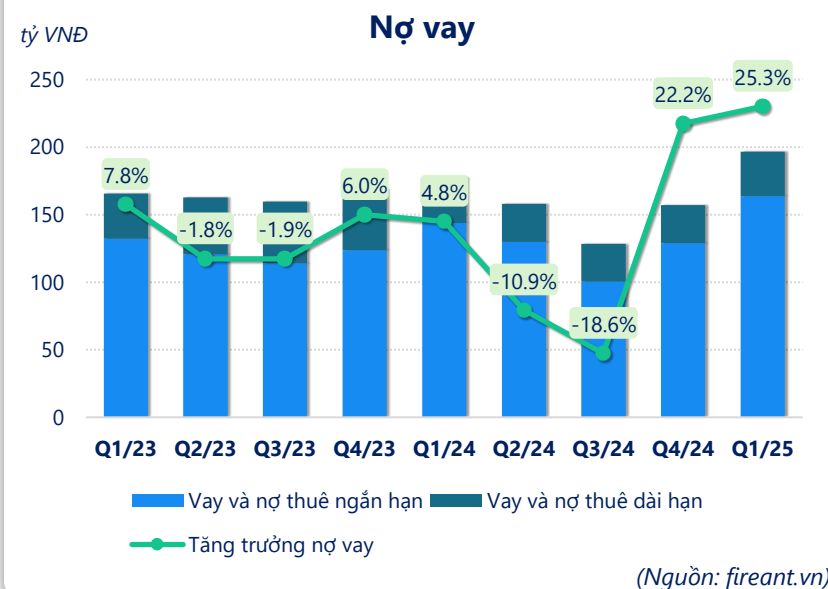
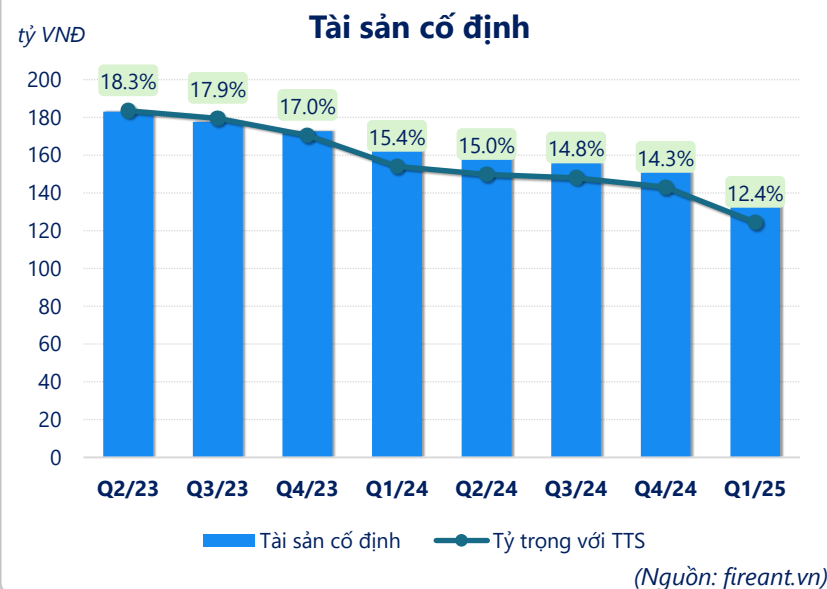
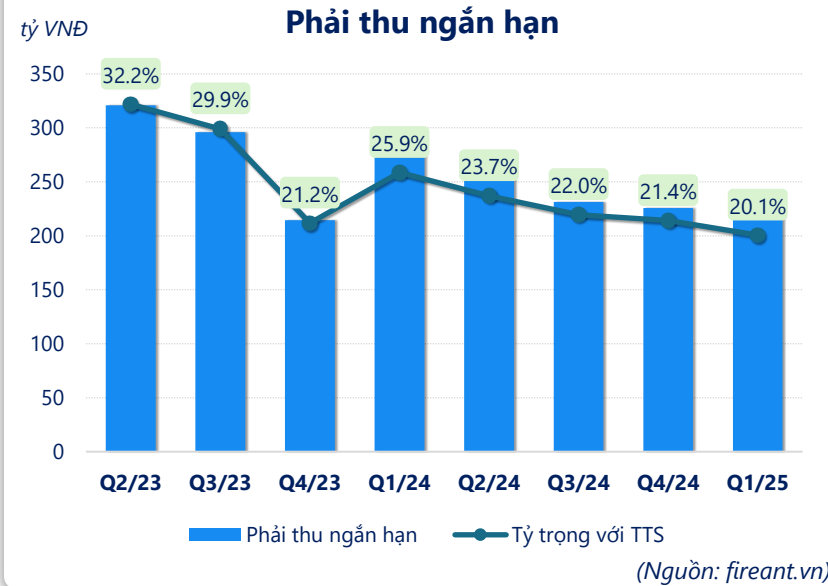
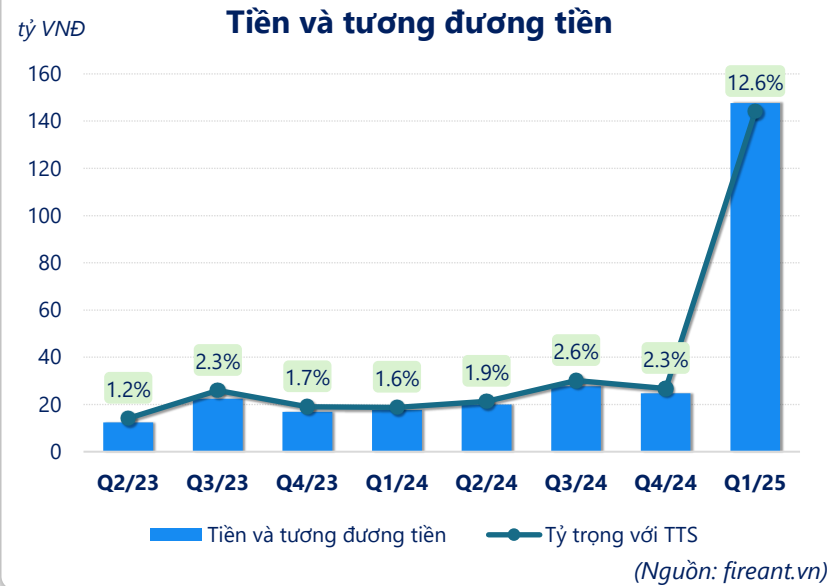
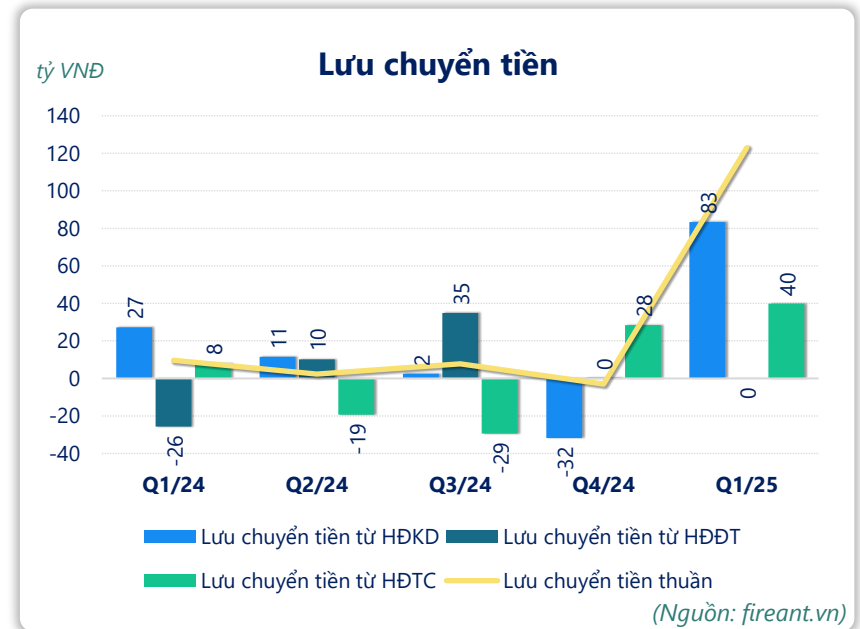
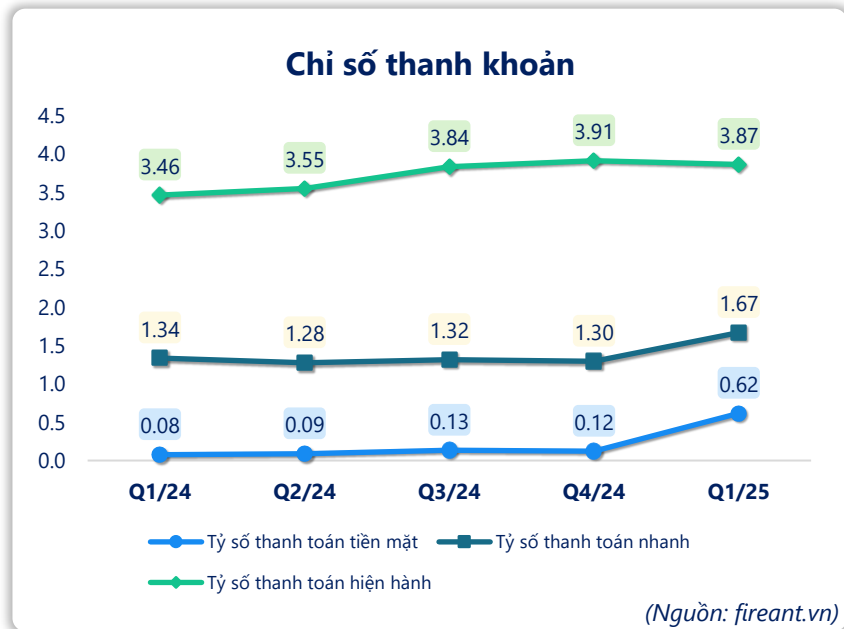
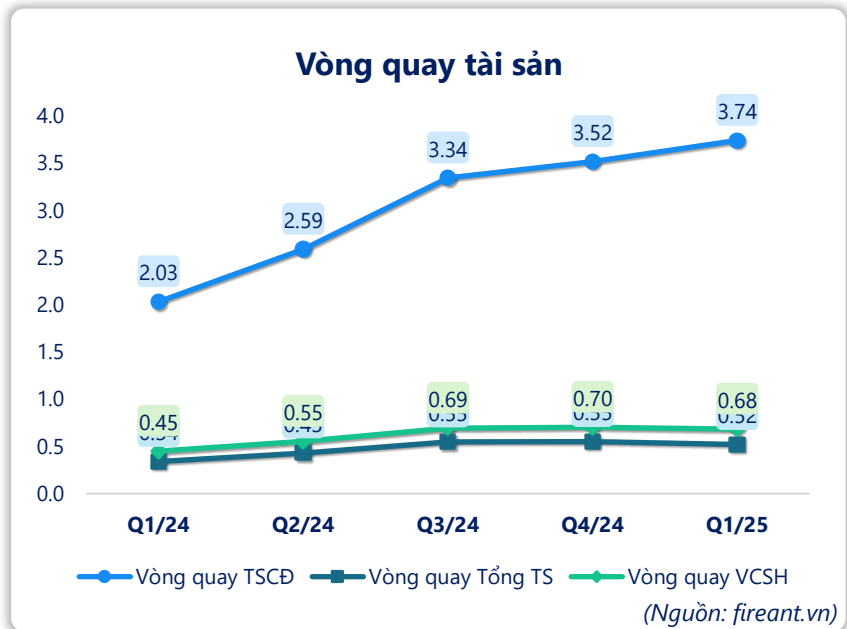
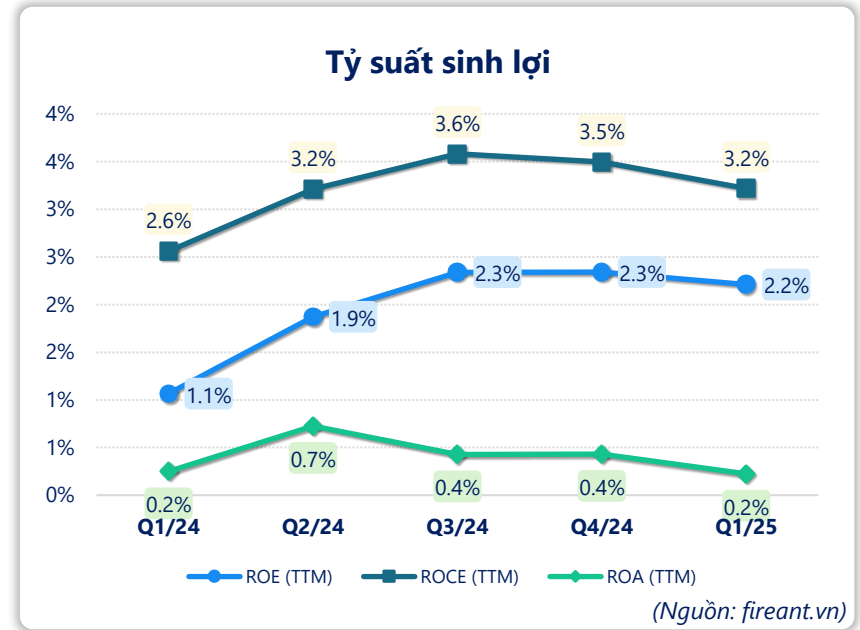
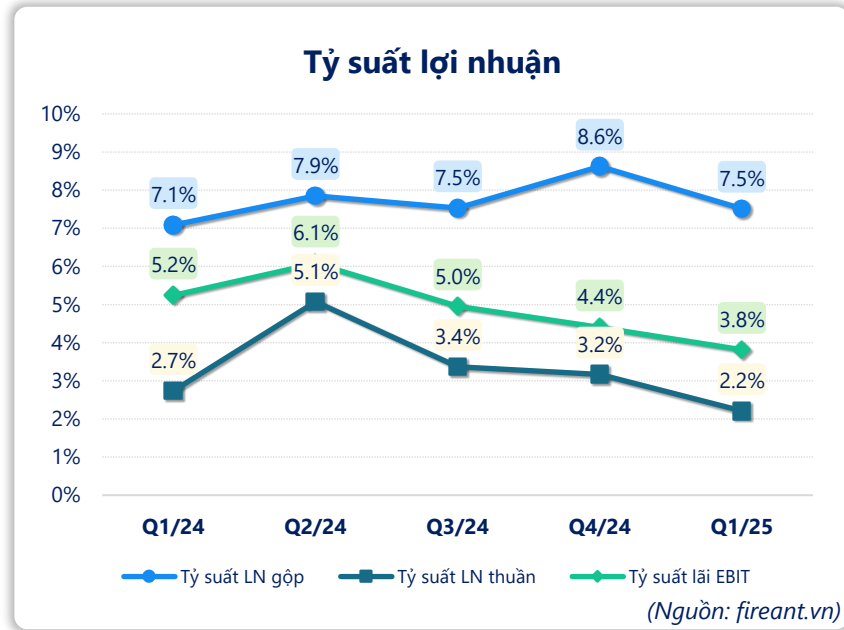
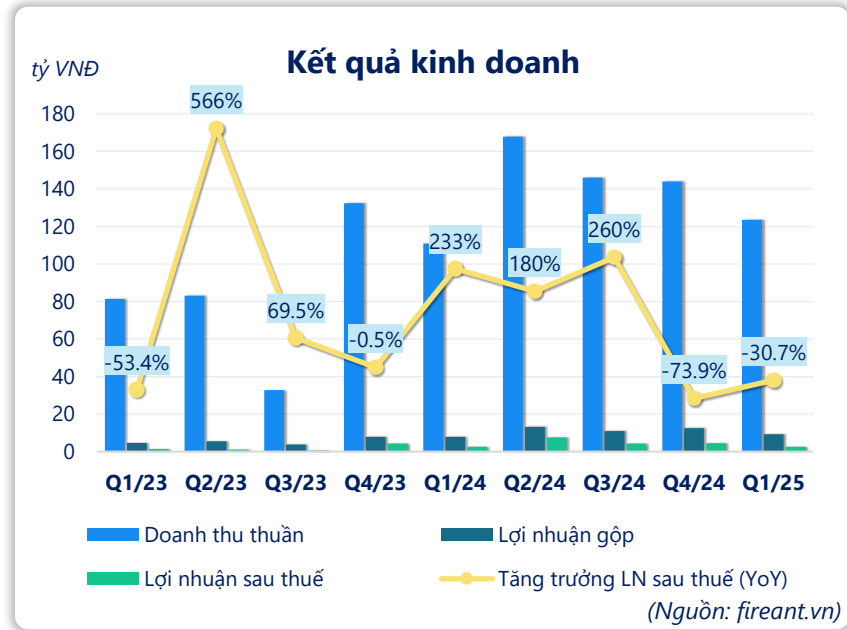


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,280
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,410
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,270
SL cổ phiếu LH		77,741,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)		212,645
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		488
P/E		25.9
EPS		242

	YTD	1T	3T	6T
TLD	4.8%	-1.6%	3.3%	14.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,172	1,051	11.5%
Tài sản ngắn hạn	927	800	15.8%
Tiền và tương đương tiền	148	24.7	498%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.36	8.79	6.5%
Phải thu ngắn hạn	235	225	4.7%
Hàng tồn kho	526	535	-1.6%
Tài sản ngắn hạn khác	8.24	7.33	12.5%
Tài sản dài hạn	245	250	-2.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	146	151	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.09	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.19	3.34	-4.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	273	234	16.4%
Nợ ngắn hạn	240	209	14.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	164	132	24.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	62.9	67.2	-6.4%
Nợ dài hạn	32.9	24.9	32.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	32.9	24.9	32.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	899	816	10.1%
Vốn chủ sở hữu	899	816	10.1%
Vốn điều lệ	777	777	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	111	168	146	144	124
Giá vốn hàng bán	103	155	135	132	114
Lợi nhuận gộp	7.85	13.2	11.0	12.4	9.29
Doanh thu HĐTC	0.85	1.33	0.75	0.60	0.44
Chi phí TC	2.87	1.78	2.38	1.93	1.99
Chi phí lãi vay	2.87	1.78	2.38	1.80	1.99
LN trong công ty LKLD	0.00	0.00	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.61	2.51	2.53	4.27	3.46
Chi phí QLDN	1.19	1.72	1.92	2.25	1.54
LN thuần từ HĐKD	3.03	8.51	4.91	4.56	2.73
Lợi nhuận khác	-0.10	-0.09	-0.06	-0.02	-0.01
LN trước thuế	2.93	8.42	4.85	4.54	2.72
Lợi nhuận sau thuế	2.65	7.50	4.36	4.46	2.52
LNST của CĐ cty mẹ	2.63	7.49	4.36	4.46	2.52

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.3	11.4	2.41	-31.9	83.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.7	10.2	34.9	0.38	-0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.14	-19.4	-29.5	28.4	39.8
Tiền đầu kỳ	7.91	17.6	19.9	27.7	24.7
Lưu chuyển tiền thuần	9.73	2.29	7.81	-3.03	123
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.6	19.9	27.7	24.7	148

(Nguồn: fireant.vn)